

# Nho Giáo và văn minh phương đông

*Donga-tvb*

Đã có rất nhiều sách vở và tài liệu viết về Khổng Tử và Nho giáo, tuy nhiên trong thời điểm mà Trung Quốc đang bành trướng thế lực trên toàn thế giới, người viết - một người Việt xa xứ - cũng muốn nêu lên nhận xét riêng của mình về Nho giáo và Khổng Tử, dù biết đây chỉ là "tiếng kêu trong sa mạc". Đây là một đề tài khá lớn, liên quan đến nhiều vấn đề như tôn giáo, tư tưởng, xã hội, văn hóa, chính trị, v.v..., vì thế người viết chỉ dám góp nhặt những tài liệu và tạm thời lạm bàn sơ lược trong khả năng hiểu biết hạn hẹp của mình.

Mới đây Trung Quốc đã thiết lập nhiều viện Khổng học trên thế giới để quảng bá về ngôn ngữ, văn hóa của Hán tộc. Tính tới tháng 7 năm 2010 đã có 316 viện Khổng học trên 94 quốc gia (nguồn: Wikipedia). Sự kiện này có mục đích gì? Âm mưu Hán Hóa toàn cầu?

Khổng Tử người khởi xướng Nho Giáo đã được người Trung Hoa xưng tụng là "Vạn thế sư biểu" (ông thầy của vạn đời) và là "Thánh nhân". Vậy xin thử phân tích để xem Khổng Tử có đúng như thế không? Học thuyết của ông ảnh hưởng như thế nào tới ngày nay? Có phải học thuyết này là nguyên nhân của nhiều vấn đề xã hội?

Như chúng ta đã biết, kể từ thời nhà Tiền Hán, về chính trị và xã hội, Nho giáo với học thuyết của Khổng Tử đã coi như là nền tảng của văn hoá Trung Hoa. Sau đó qua các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, Nho giáo đã bị biến thái dần thành Đường Nho, Tống Nho, Minh Nho, v.v... Học thuyết của Khổng Tử đã bị thay đổi khá nhiều. Việt Nam đã bị ảnh hưởng một cách đặc biệt bởi Tống Nho từ khi có nền độc lập. Cả hai quốc gia Trung Hoa và Việt Nam đã đi sau nền văn minh Tây phương một bước khá xa, lịch sử trong hai ba thế kỷ trước đây đã minh chứng điều này. Trung Hoa thì bị lục cường xâm xé, rồi lại bị Nhật chiếm đóng, Việt Nam thì bị mất vào tay người Pháp. Nhật Bản cũng bị ảnh hưởng bởi Nho Giáo, nhưng đã nhận ra những gì không hợp và đã sớm canh tân để đuổi kịp nền văn minh của phương tây; nên đã trở thành một quốc gia hùng cường từ thời vua Minh Trị.

Câu hỏi được đặt ra: **Có phải Nho giáo và Khổng học là nguyên nhân cản trở sự tiến bộ và văn minh của phương đông?**

Để trả lời câu hỏi này, trước hết xin có nhận xét qua về thời Khổng Tử sống (551 - 479 TCN) :

**Thời Xuân Thu** của Trung Hoa ( khoảng 770 - 476 TCN).

Tên này có nguồn từ sách Xuân Thu của Khổng Tử, trước giai đoạn này có khoảng 170 nước lớn nhỏ, nước lớn xâm chiếm các nước nhỏ hơn. Những nước này là nước chư hầu và phải nghe mệnh lệnh của nhà Tây Chu, kinh đô ở Tràng An tỉnh Thiểm Tây ngày nay. Nhà Tây Chu bị các bộ lạc phía tây uy hiếp nên dời kinh đô về phía đông là Lạc Dương, từ đây gọi là nhà Đông Chu, khởi đầu thời Xuân Thu, thế lực nhà Chu lúc này rất yếu và cần các chư hầu bảo vệ. Sau đó các quý tộc nổi lên dành ngôi bá chủ để sai khiến các nước chư hầu nhỏ hơn. Chiến tranh xảy ra liên miên. Khởi đầu là Trịnh Trang Công (743 - 701 TCN) nước Trịnh, rồi Tề Hoàn Công (685 - 643 TCN) nước Tề, Tống Tương Công (650 - 637 TCN) nước Tống, Tấn Văn Công (636 - 628 TCN) nước Tấn, Tần Mục Công (659 - 621 TCN) nước Tần, Sở Trang Vương (613- 591 TCN) nước Sở, Ngô vương Phù Sai (Cơ Phù Sai 495 - 473 TCN) nước Ngô, Việt vương Câu Tiễn (496 - 465 TCN) nước Việt.

**Thời Chiến Quốc** (475 - 211 TCN)

Cuối thời Xuân Thu, các nước lớn thôn tính các nước nhỏ hơn, lập thành 7 nước là Yên, Hàn, Ngụy, Sở, Tần, Tề, Triệu và Yên. Chiến tranh xảy ra liên miên giữa các nước này- thời Chiến Quốc. Giai đoạn chót, nước Tần mạnh nhất, thôn tính 6 nước khác lập thành một nước Trung Hoa thống nhất với hoàng đế đầu tiên là Tần Thủy Hoàng.

**Bách Gia chư tử** (770 - 220 TCN)

Trong thời Xuân Thu - Chiến Quốc, biên giới các nước không rõ rệt, binh lực đồn trú trong các thành trì để tránh bị tấn công bất ngờ, nhưng dân chúng từ nước này qua các nước khác khá dễ dàng. Những người du thuyết đi từ nước này qua nước khác để mong được trọng dụng, các tư tưởng gia và các môn đồ bôn ba các nước để truyền bá học thuyết của mình. Đây là thời mà "trăm nhà tranh tiếng", nhiều trường phái tư tưởng nở rộ, những học thuyết từ thời kỳ này đã ảnh hưởng nước Trung Hoa tới ngày nay. Có những trường phái nổi bật như:

Khổng Tử và Manh Tử với tư tưởng "Khổng Giáo" hay "Nho Giáo", đề cao chữ "nhân", "ngũ thường", "đạo tại tâm", thuyết "chính danh", "trung dung", v.v...

Hàn Phi Tử với tư tưởng "Pháp gia", dùng luật pháp để cai trị và mọi người đều bình đẳng trước pháp luật

Lão Tử và Trang Tử với tư tưởng "Đạo Giáo": sách "Đạo Đức kinh" và học thuyết "vô vi".

Mặc Tử với tư tưởng "Mặc Học" và học thuyết "kiêm ái phi công": mọi người đều bình đẳng và phải thương yêu nhau, không chiến tranh, cũng như không làm thì không thể sung túc no đủ, v.v...

Tuân Tử với tư tưởng về "trí thức và kinh nghiệm", "đạo ngoại tâm" và "nhân chi sơ tính bản ác"

Khi Trung Hoa thống nhất (221TCN), Tần Thủy Hoàng đã áp dụng tư tưởng “Pháp Gia” một cách triệt để, những học thuyết khác bị ông hoàng đế này gạt sang một bên, Khổng Giáo đang được phổ biến bị ngăn cấm với việc đốt sách và chôn sống học trò, các tư tưởng ngược với đường lối cai trị đều bị triệt để cấm đoán. Khi nhà Tần sụp đổ, nhà Hán dựng nghiệp thì tư tưởng của Khổng Giáo, sau khi đã được biến dạng thành Hán Nho, hợp với đường lối cai trị nên được các hoàng đế Trung Hoa cổ võ, Nho Giáo được phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Bằng cách lèo lái bởi những kẻ cầm quyền, Nho Giáo đã là tư tưởng được truyền bá và ảnh hưởng đến ngày nay, trong khi các tư tưởng và học thuyết khác bị mai một vì không phù hợp với quan điểm của sự tập trung quyền lực.

## **A-Tiểu sử Khổng Tử**

*(Tóm tắt theo chương “Khổng Tử Thế Gia” trong sách Sử Ký (SK) của Tư Mã Thiên)*

Khổng Tử sinh ở nước Lỗ, năm 552 TCN (trong thời Xuân Thu), tên là Khâu, tên tự là Trọng Ni. Tổ tiên trước kia là người nước Tống. Cha của ông là Thúc Lương Ngột, “*Lương Ngột khi đã quá tuổi, lấy Nhan Thị, hai người cầu tự ở núi Ni Khâu sinh Khổng Tử. ...Khi còn nhỏ, Khổng Tử thích chơi trò bày các khay để cúng và chơi trò tế lễ*” (SK).

*“Khổng Tử nghèo hèn, đến khi lớn lên làm lại cho họ Quý. Việc tính toán đo lường đứng đắn, nên được làm chức coi súc vật. Súc vật đông đúc sinh đẻ nhiều, nên được làm tư không. Được ít lâu, Khổng Tử rời khỏi nước Lỗ, bị ruồng bỏ ở nước Tề, bị đuổi ở nước Tống và nước Vệ, bị nguy khốn ở giữa miền nước Trần và nước Thái, cuối cùng lại trở về nước Lỗ.”* (SK)

Khổng Tử trở về nước Lỗ khi đã 68 tuổi, tiếp tục dạy học và soạn kinh sách cho học thuyết của mình . Ông mất năm 479 TCN, thọ 73 tuổi.

Theo như truyền tụng, Khổng Tử soạn các kinh Thi, Thư, Lễ, Nhạc và Xuân Thu. Sách Luận Ngữ là một kinh điển quan trọng của Nho học ghi lại các lời dạy của Khổng Tử , do học trò của ông chép lại.

### **Cuộc hành trình của Khổng Tử qua các nước thời Xuân Thu**

*(Ghi lại theo sách “Sử Ký, Khổng Tử Thế Gia” ):*

Đến nước Chu: *“Khổng Tử đến đất Chu hỏi về lễ. Khổng Tử yết kiến Lão Tử ở đây.”*

Về lại nước Lỗ: *“Khi Khổng Tử ở Chu về nước Lỗ, học trò càng nhiều.”*

Sang nước Tề: *“Sau đó ít lâu nước Lỗ có loạn, Khổng Tử đến nước Tề làm tôi ở nhà họ Cao Chiêu tử để đư ợc yết kiến Tề Cảnh Công.... Các quan đại phu nước Tề muốn giết Khổng Tử. ... Khổng Tử bèn ra đi, trở về nước Lỗ. . Bấy giờ Khổng Tử bốn mươi hai tuổi.”*

Về lại nước Lỗ: *“Lỗ Định công cho Khổng Tử làm quan cai trị thành Trung Đô. Được một năm, cả bốn phương đều noi theo xem là mẫu mực. Từ chức quan cai trị thành Trung Đô, Khổng Tử được thăng làm tư không, rồi được làm đại tư khấu. ... Khổng Tử 56 tuổi, rồi chức tư khấu, quyền giữ chức tướng quốc....Quý Hoàn Tử nhận nữ nhạc của Tề, ba ngày không nghe việc chính sự.... Khổng Tử bèn ra đi.”*

Sang nước Vệ: *“Khổng Tử bèn đến nước Vệ ở trọ tại nhà Nhan Trọc Trâu, anh vợ của Tử Lộ.... Khổng Tử ở đây mười tháng, đoạn rời khỏi đất Vệ, định đi qua đất Khuông, để đến nước Trần...”*

Đến nước Trần: *“Khổng Tử đi qua đất Bô ...”*

Về lại nước Vệ: *“Sau hơn một tháng lại trở về nước Vệ, ở trọ tại nhà Cừ Bá Ngọc.”*

Sang nước Tào: *“Rời khỏi nước Vệ, đi qua nước Tào.”*

Sang nước Tống: *“Khổng Tử rời khỏi nước Tào đến nước Tống, Quan tư mã của nước Tống tên là Hoàn Khôi muốn giết Khổng Tử.”*

Đến nước Trịnh: *“Khổng Tử đến nước Trịnh, thầy trò lạc nhau.”*

Đến nước Trần: *“Khổng Tử bèn đến nước Trần, ở trọ tại nhà viên quan giữ thành là Trịnh Tử hơn một năm.... Khổng Tử ở Trần ba năm. Lúc bấy giờ, các nước Tần và Sở tranh cường với nhau và lần lượt đánh bại Trần; nước Ngô cũng đánh Trần. Trần luôn luôn bị đánh phá. Khổng Tử bèn rời khỏi đất Trần, đi qua đất Bò.”*

Sang nước Vệ: *“Khổng Tử liền đến đất Vệ. ... Vệ Linh Công già, lười biếng việc chính sự, không dùng Khổng Tử.”*

Đến nước Thái: *“Năm sau, Khổng Tử từ đất Trần đến đất Thái. ... Năm sau, Khổng Tử từ đất Thái đi đến đất Diệp. ... Khổng Tử rời bỏ đất Diệp trở về đất Thái. ... Khổng Tử dèi đến ở đất Thái ba năm.”*

Đến đất Diệp: *“Năm sau, Khổng Tử từ đất Thái đi đến đất Diệp.”*

Đến nước Thái: *“Khổng Tử rời bỏ đất Diệp trở về đất Thái. ... Khổng Tử dèi đến ở đất Thái ba năm.”*

Đến nước Sở: *“Các quan đại phu đất Trần và đất Thái bàn nhau: ... Nếu ông ta được dùng ở nước Sở thì các quan đại phu đang được dùng ở đất Trần đất Thái sẽ nguy mất. ... Họ bèn bàn nhau cho bọn đầy tớ vây Khổng tử ở ngoài đồng, không cho đi. Khổng Tử hết lương ăn, nhưng người đi theo đều ốm không ai dậy được, ... Khổng Tử sai Tử Cống sang Sở. Sở Chiêu Vương đem binh đón Khổng Tử, kết quả Khổng Tử mới được thoát.”*

Sang nước Vệ: *“Khổng Tử bèn rời nước Sở trở về nước Vệ. Năm ấy, Khổng Tử sáu mươi ba tuổi.”*

Về lại nước Lỗ: *“Khổng Tử trở về nước Lỗ. Khổng Tử đi đã 14 năm, bây giờ mới trở về nước Lỗ.. ... nước Lỗ chung quy vẫn không dùng Khổng Tử. Khổng Tử cũng không xin làm quan.”*

Khổng Tử và các học trò của ông du hành qua rất nhiều nước thời Xuân Thu , để truyền bá Nho học, mà các học trò của ông gọi là cái “Đạo” - Đạo của Nho Gia hay Nho Giáo.

Có lẽ vì Khổng Tử đi quá nhiều nơi đông dân cư để rao giảng học thuyết của ông, nên Nho học đã được phổ biến rộng rãi hơn hẳn những trường phái khác.

[http://wxw.china360online.org/teachers/wp-content/themes/china360online\\_/images/map1.jpg](http://wxw.china360online.org/teachers/wp-content/themes/china360online_/images/map1.jpg)



**Ghi chú:** địa danh trên bản đồ với phiên âm tiếng Việt

Lỗ (Lu), Vệ (Wei), Tống (Song), Thái (Cai), Sở (Chu), Tào (Cao), Yên (Yan), Tề (Qi), Tần (Qin), Tấn (Jin), Ngô (Wu), Việt (Yue), Trần (Chen), Trịnh (Zheng)

Chiết Giang (Zhejiang), Hồ Bắc (Hubei), Hà Nam (Henan), Hà Bắc (Hebei), An Huy (Anhui), Giang Tô (Jiangsu), Sơn Đông (Shandong), Sơn Tây (Shanxi), Liêu Ninh (Liaoning), Cát Lâm (Jilin), Hắc Long Giang (Heilongjiang), Nội Mông (Inner Mongolia)

## **B-Kinh sách và học thuyết của Nho học**

Chúng ta hậu thế thường được nghe nói tới “*Tam tông, tứ đức*”, “*Tam cương, ngũ thường*” cũng như “*Thi, thư, lễ, nhạc*” khi được nghe nói về Nho Giáo. Ngoài ra còn những câu như “*Quân sử thần tử, thần bất tử, bất trung; phụ sử tử vong, tử bất vong, bất hiếu*” v.v... Tuy nhiên, những gì thường nghe về “Nho” ngày nay đã bị biến đổi và thêm thắt, cũng như đã bị làm cho sai lạc so với triết thuyết nguyên thủy của Khổng Tử. Rồi từ “Nho học”; khi được đa số quần chúng tin theo con đường (“đạo”) này, đã biến đổi thành “Nho Đạo” hay “Nho Giáo”, vì thế “Nho Học” hay “Nho Giáo” đều đã được dùng một cách hoán chuyển, mặc dù không có thần thánh nào được tôn thờ trong “Nho Giáo”.

Để có thể biết được những gì do chính Khổng Tử dạy, chúng ta nên tìm hiểu những tài liệu sớm nhất viết về ông và những học thuyết cũng như sách của ông được ông và học trò của ông ghi lại.

Tư Mã Thiên (145 TCN – 86 TCN) ghi lại trong Sử Ký (SK), “*Khổng Tử Thế Gia* (KTTG)” như sau:

“*Khổng Tử lấy thi, thư, lễ, nhạc dạy học trò. Số học trò đến ba ngàn người. Có 72 người thông thạo cả lục nghệ. Còn những người chỉ học một phần như Nhan Trọc Trâu thì rất nhiều. Khổng Tử dạy bốn điều: văn học, đức hạnh, trung thành, tín nghĩa; bỏ bốn điều: không có định kiến trước, không nhất thiết phải theo một mặt, không cố chấp, không chỉ thiên về mình. Khổng Tử cẩn thận trong việc trai giới, chiến trận, ốm đau: ít nói về lợi, mệnh và nhân. Khi người ta chưa cảm thấy tức tối muốn biết, thì Khổng Tử chưa giảng, khi nêu một góc mà người ta chưa thấy cả ba góc thì Khổng Tử chưa dạy”.*

Học thuyết cũng như thân thể của Khổng Tử được ghi lại một phần trong “*Khổng Tử Thế Gia*” qua các câu nói của ông với các học trò. Những lời dạy bảo của ông cũng được ghi lại một cách đầy đủ hơn trong sách “*Luận Ngữ*”, sách này do các môn sinh biên soạn.

Viết về học thuyết của mình, Khổng Tử nói là ông chỉ thuật lại chứ không sáng tạo ra điều gì mới: “*Thuật nhi bất tác,...*”<sup>1</sup> (trong sách Luận Ngữ)

## **Các kinh sách căn bản của Nho học**

Các kinh điển căn bản của Nho Giáo là “**Ngũ Kinh**” : Thi, Thư, Lễ, Nhạc Kinh Dịch và Xuân Thu.

*“Trong thời Khổng Tử, nhà Chu đã suy, lễ nhạc bị bỏ, Kinh Thi, Kinh Thư thiếu sót. Khổng Tử theo dấu vết của lễ thời Tam đại, đề tựa Kinh Thư, kinh này chép sự việc tự thời Đường, Ngu cho đến thời Tần Mục Công”* (SK, KTTG).

**Kinh Thi:** là sách sưu tập các câu ca dao, hay thi ca cổ của dân chúng thời Xuân Thu gồm 305 thiên.

*“Ngày xưa Kinh thi có tất cả hơn ba ngàn thiên. Đến thời Khổng Tử, Khổng Tử bớt những thiên trùng điệp, lấy những thiên có thể có ích cho lễ, nghĩa. ... Tất cả ba trăm linh năm thiên này đều được Khổng Tử đánh đàn và hát để làm cho nó hợp với điệu nhạc Thiệu, Vũ, Nhã, Tung.”* (SK, KTTG)

**Kinh Thư:** cũng gọi là “Thượng Thư”, sách ghi lại các câu nói của các vua chúa cũng như các quan lại thời nhà Thương (thế kỷ 14 đến 11 TCN) và nhà Tây Chu (Thế kỷ 11 TCN đến 770 TCN). Nguyên bản đã bị Tần Thủy Hoàng đốt, một phần đã tìm được thời Hán Vũ Đế.

**Kinh Lễ và Nhạc:** cũng gọi là “Lễ Ký”, sách ghi lại các nghi lễ, tôn giáo, phong tục (quan, hôn, tang tế) từ thời Khổng Tử trở về trước. Ngoài ra kinh Lễ còn viết thêm về nhân nghĩa, đạo đức, cách cư xử. Tương truyền nguyên thủy là 130 thiên, một số lớn các thiên bị thất lạc, ngày nay còn 39 thiên. Kinh Nhạc bị Tần Thủy Hoàng tiêu hủy, ngày nay chỉ còn một thiên là “Nhạc Ký” trong kinh Lễ. Kinh Nhạc giúp cho lễ nghi thêm long trọng.

*“ -... “Nhà Chu noi gương hai triều đại trước, lễ nghi nhà Chu rục rờ làm sao! Ta theo nhà Chu”. Vì thế phần truyện trong Kinh Thư và Lễ ký là do Khổng Tử làm.”* (SK, KTTG)

<sup>1</sup> [七之一] 子曰：述而不作，信而好古，竊比於我老彭。

[thất chi nhất] Tử viết: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hảo cổ, thiết tỉ ư ngã Lão Bành*”. (Ta thuật lại mà không sáng tác, tin và hâm mộ đạo lý của người xưa, ta trộm ví với ông Lão Bành).

Lão Bành là quan đại phu giỏi đời nhà Thương, hay thuật lại những việc đời xưa mà không làm ra điều gì mới lạ.



**Kinh Dịch:** cũng gọi là sách “Chu Dịch”, là một bộ sách nói về nhân sinh quan và triết lý cổ thời. Được dùng như một phương tiện để bói toán. Theo truyền thuyết thì sách này do vua Phục Hy (một ông vua trong huyền thoại của Trung Hoa, khoảng 28 thế kỷ TCN) làm ra. Khổng Tử không liên quan đến bất cứ sáng tác nào của sách này, ông chỉ viết thêm chú giải cho các quẻ. *“Quan trọng nhất vẫn là chú giải đầu tiên, tức Thập Dục, cũng gọi là Thập Truyện. Đại đa số các học giả Trung Hoa thời xưa cho Thập Dục là công trình của Khổng tử”* (Nguyễn Hiến Lê).

*“Khổng Tử thích Kinh dịch, thích các phân tử, toán, hệ, tượng, thuyết quái, văn ngôn. Khổng Tử đọc Kinh dịch làm cho cái dây da để buộc các thẻ tre đứt ba lần. Khổng Tử nói: -Nếu cho ta thêm vài năm nữa thì ta sẽ hiểu Kinh dịch một cách toàn vẹn”* . (SK, KTTG)

**Kinh Xuân Thu:** cũng gọi là Lân Kinh, đây là một quyển sử sớm nhất của Trung Hoa được ghi lại theo lối “biên niên” từ năm 722 TCN đến 481 TCN - thời Xuân Thu - do Khổng Tử biên soạn.

*“Khổng Tử nói:*

*- Không, không! Người quân tử lo rằng mình chết rồi mà cái tên của mình không được nhắc đến, nếu đạo của ta không được dùng thì ta biết lấy gì để làm đời sau thấy ta. Bèn dựa vào Sử ký làm ra Kinh Xuân thu, chép từ thời Lỗ Ai Công (năm 722 - 712 trước công nguyên), đến năm thứ 14 đời Lỗ Ai công (năm 481 trước công nguyên), bao gồm 12 đời vua. Căn cứ vào chỗ vua Lỗ là họ với nhà Chu cho nên Khổng Tử đưa vào đây những việc của thời Tam đại. .... Học trò học Xuân thu, Khổng Tử nói: - Đời sau biết Khâu là căn cứ vào Xuân thu, bắt tội Khâu cũng là căn cứ vào Xuân thu.”* (SK, KTTG)

Ngoài “Ngũ Kinh” còn có **“Tứ Thư”** là các sách Luận Ngữ, Đại Học, Trung Dung và Mạnh Tử

**Sách Luận Ngữ:** là sách do các môn sinh của Khổng Tử ghi lại lời dạy của ông, cũng như những lời bàn luận với người cùng thời. Đây là quyển sách chủ yếu của Nho gia. Nội dung của sách này đề cập đến các vấn đề triết học, tôn giáo, chính trị, cách xử thế. Sách này nói về nhân sinh quan của Khổng Tử cũng như về sự phân loại con người ai là “Thánh Nhân”, “Quân Tử” và “Tiểu Nhân”.

**Sách Đại Học:** là sách dạy về luân lý dành cho những người được xếp vào hàng cao đẳng. Sách do Tăng Tử (Tăng Sâm) viết, gồm 11 chương. Tư tưởng của sách nói về cách trị quốc với hai phần: 3 điều chủ yếu và 8 điều chuyên tâm

Ba điều chủ yếu: “minh đức”, “tân dân” và “chí ư chí thiện”

Tám điều chuyên tâm: “cách vật”, “trí tri”, “thành ý”, “chính tâm”, “tu thân”, “tề gia”, “trị quốc”, “bình thiên hạ”.

**Sách Trung Dung:** là sách nói về thuyết Trung Dung do Khổng Tử đề ra, sách này do cháu nội của Khổng Tử là Khổng Cấp, học trò của Tăng Sâm viết. Đại ý nói là ý nghĩ và hành động phải ở mức trung hoà, không cực đoan, không thái quá và bất cập, chủ yếu là sống theo nhân, nghĩa, lễ, trí, tín để là một người “quân tử”.

**Sách Mạnh Tử:** là sách do Mạnh Tử, học trò của Khổng Tử viết. Đây là sách nói về học thuyết của Mạnh Tử, được triển khai từ tư tưởng của Khổng Tử. Gồm những điều như “*nhân chi sơ tính bản thiện*”, duy dân “*dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*” và nhân trị.

## Học thuyết của Nho học

“*Khổng Tử dạy bốn điều: văn học, đức hạnh, trung thành, tín nghĩa;* (SK, KTTG).

Sách Luận Ngữ, “Thuận nhi đệ thất (7-24)” viết: “*Tử dĩ tứ giáo: văn, hạnh, trung, tín*”.

Một cách đại cương thì học thuyết của Khổng Tử có mục đích giáo hoá con người để họ có lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Học thuyết này đưa ra mẫu người quân tử để noi theo: người quân tử phải là người có đủ “ngũ thường” là nhân, nghĩa, lễ trí, tín, ở thứ bậc nào thì sống cho đúng địa vị đó (“chính danh”) và sống thì không thái quá cũng không bất cập (“trung dung”).

Ngoài “ngũ thường”, chúng ta còn nghe là người quân tử còn phải có đủ “tam cương”, là phải tuân giữ lễ “vua-tôi”, “cha – con”, “chồng - vợ”, rồi “tam tông tứ đức” mà sau này được thêm vào và dành cho phụ nữ. Theo như học giả Phan Khôi - một người theo Khổng học từ nhỏ - thì nguyên thủy của Khổng học không có “tam cương”, trong bài “*Cái ảnh hưởng của Khổng giáo ở nước ta*” ông viết như sau: “*Đức Khổng Tử chưa hề xướng ra cái thuyết tam cương. Và xét tra các sách từ đời ngài về trước cũng chưa hề có cái thuyết tam cương. Thuyết tam cương mới bắt đầu có từ nhà Hán, thấy ra trong sách Bạch hổ thông của Hán nho. Sách ấy có nói rằng: “Quân vi thần cương; phụ vi tử cương; phu vi thê cương”. Bởi đó người ta gọi là tam cương.*” (nguyên văn là chữ “cang” thay cho chữ “cương”).

Khổng Tử chỉ nói trong sách Luận Ngữ, “Nhan Uyên đệ thập nhị (12-11)”:  
“*Quân quân , thần thần , phụ phụ , tử tử*” là làm vua thì ra vua, làm tôi ra tôi, con ra con, sống cho đúng danh phận. Đây là thuyết “Chính Danh” của Khổng học.

Khổng học hay Nho học chia xã hội ra làm ba hạng người: “Thánh nhân” là các bậc hiền giả, “Quân tử” là những người đức độ, chân chính, “Tiểu nhân” là những kẻ có hành động không hợp với “đạo đức”.

Trong bài “ *"QUÂN TỬ-TIỂU NHÂN" THEO KHỔNG GIÁO*” của học giả Trần Trọng Kim, ông đã viết về hai hạng người này như sau:

*“Khổng Giáo chia người ở trong xã hội ra làm hai hạng là: Quân tử và tiểu nhân. Quân tử là quý là hay, tiểu nhân là tiện là dở. Vậy trước khi bàn đến các mục khác, thiết tưởng nên nói rõ tư cách của người Quân tử và kẻ tiểu nhân khác nhau thế nào thì sau xem mới rõ mọi ý nghĩa.*

...

*Con đường thẳng là con đường Đạo đức Nhân nghĩa; con đường cong queo là con đường gian ác quỷ quyệt. Trong hai con đường đó ta phải chọn lấy một con đường mà đi. Đi con đường thẳng là người Quân tử, có nhân cách hoàn toàn. Đi con đường cong là người tiểu nhân hèn hạ”.*

***Lúc đầu chữ Quân tử là nói người có địa vị tôn quý, mà chữ tiểu nhân là người thường nhân không có địa vị gì trong xã hội. ... Về sau dùng rộng nghĩa ra , gọi Quân tử là người có đức hạnh tôn quý và gọi tiểu nhân là người có chí khí hèn hạ.***

Nhận định theo Hán tự thì:

“**Quân**” (君) : Vua, người làm chủ cả một nước.

Chữ “**Tử**”(子) có khá nhiều nghĩa như là “con”, “thầy”, tước “tử”, ...

Theo ý nghĩa của Hán tự thì “quân tử” là con vua

Vậy lúc đầu theo như ông Trần Trọng Kim thì “Quân Tử”(con vua), là hạng người ở giữa “Thiên Tử” (con Trời) và “Tiểu nhân” (những người dân nhỏ bé), họ là những người ra làm quan, giúp vua cai trị đám “tiểu nhân”.

**Khổng học với quan niệm về “Ngũ thường”: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín**

Quan niệm về chữ “**nhân 仁**”: Khổng Tử nói về chữ “nhân” khá nhiều trong sách Luận Ngữ (110 lần). Nói một cách tóm lược về chữ “nhân” là thương người, là cách cư xử giữa người với người.

Câu nói của Khổng tử thường được nhắc tới về việc này là “*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*”.

Nguyên văn theo sách Luận Ngữ, “Nhan Uyên đệ thập nhị (12-2): “*Tử viết : xuất môn như kiến đại tân , sử dân như thừa đại tế , **kỷ sở bất dục , vật thi ư nhân**. Tại bang vô oán , tại gia vô oán*” (khi ra ngoài làm việc phải như tiếp kiến khách quý và sai khiến dân phải như tiến hành việc tế lễ, đừng làm những gì mà mình không muốn điều người khác làm cho mình. Có thể người dân trong nước cũng như người thân trong gia đình mới khỏi oán hận”

Vài nét điển hình về chữ “Nhân” trong Luận Ngữ:

Sách Luận Ngữ, “Lý Nhân đệ tứ (4-3)”: “*Tử viết: Duy nhân giả năng hạo nhân, năng ó nhân*” . (Khổng tử nói: Chỉ người có lòng nhân mới biết thương người ghét người đúng cách mà thôi).

Sách Luận Ngữ, “Lý Nhân đệ tứ (4-5)”: “*Quân tử khí nhân ô hồ thành danh? Quân tử vô chung thực chi gian vi nhân, tháo thứ tất ư thị, điên bái tất ư thị.*” (Người quân tử phải nỗ lực làm điều nhân đức, nếu không có “nhân” sao có thể mang danh là người quân tử. Nhân cũng là điều cốt yếu của người quân tử, không thể trong bất cứ lúc nào mà xa điều nhân đức).

Quan niệm về chữ “**nghĩa 義**”: Khổng Tử nói về chữ “nghĩa” cũng khá nhiều (27 lần), tuy nhiên ông không có một sự xác định rõ ràng về “nghĩa” chính xác như thế nào. Đại cương là lấy “Lễ”, “Khiêm”, “Tín” để cư xử với mọi người theo công bình và lẽ phải, vì điều “nghĩa” thì ngược với điều “lợi”. Tuy nhiên câu hỏi sẽ được đặt ra: thế nào là công bình, thế nào là lẽ phải?

Vài nét điển hình về chữ “Nghĩa” trong Luận Ngữ:

Sách Luận Ngữ, “Lý Nhân đệ tứ (15-17): “*Quân tử nghĩa dĩ vi chất: Lễ dĩ hành chi, tốn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi, Quân tử tai!*” . (Quân tử lấy nghĩa làm cốt: lấy **lễ** mà làm, lấy **khiêm tốn** mà thi thố ra, lấy **lòng tin** mà thành tựu thật là quân tử vậy thay!)

Sách Luận Ngữ, “Lý Nhân đệ tứ (4-16): “*Tử viết: “quân Tử dụ ư **nghĩa** , tiểu nhân dụ ư lợi.*”

Quân tử hiểu rõ điều **nghĩa**, tiểu nhân hiểu rõ điều lợi.

Sách Luận Ngữ, “Đương Hóa thập thất (17-23): *“Quân tử nghĩa dĩ vi thượng, Quân tử hữu dũng nhi vô nghĩa vi loạn, tiểu nhân hữu dũng nhi vô nghĩa vi đạo”* . (Quân tử chuộng nghĩa, quân tử có dũng mà không có nghĩa thì làm loạn. Tiểu nhân có dũng mà không có nghĩa thì làm đũa ăn trộm).

Quan niệm về chữ “Lễ 禮”: Khổng Tử rất chú trọng về chữ “Lễ”, chữ này lập đi lập lại nhiều lần (79 lần) trong sách Luận Ngữ, chính ông đã soạn kinh Lễ và ông cũng là người chuyên việc tế lễ. Một cách tổng quát là chữ “Lễ” của Khổng học chỉ cách người đối xử với người (bàn rộng về chữ “nhân, nghĩa, trí, tín”) và với quỷ thần, trời đất. “Lễ” là kính người, kính trời đất. Vì thế chữ “Lễ” vừa có tính cách nghi thức và luật lệ, vừa có tính cách luân lý.

Vài nét điển hình về chữ “Lễ” trong Luận Ngữ:

Sách Luận Ngữ, “Học nhi đệ nhất (1-12): *“Hữu tử viết: lễ chi dụng, hoà vi qui. ...”* (Hữu tử viết: Trong việc giữ lễ, **hòa thuận** là điều quan trọng. ...)

Sách Luận Ngữ, “Học nhi đệ nhất (1-13): *“Hữu tử viết: “tín cận u nghĩa, ngôn khả phục dã; cung cận u lễ, viễn sĩ nhục dã. Nhân bất thất kỳ thân, diệc khả tông dã”* . (Hữu tử viết: **hứa** điều gì mà hợp nghĩa thì phải làm, **cung** kính hợp với **lễ** thì tránh được sỉ nhục. Đối với người thân **không mất lòng** thì mới xứng đáng với họ hàng)

Sách Luận Ngữ, “Bát dật đệ tam (3-3): *“Tử viết: “nhân nhi bất nhân, như lễ hà? ...”* (Khổng tử nói: Người không có **nhân** thì sao có **lễ** được? ...)

Sách Luận Ngữ, “Bát dật đệ tam (3-19): *“Định Công vấn: “quân sử thân thân sự quân, như chi hà? Khổng Tử đối viết “quân sử thân dĩ lễ, thân sự quân dĩ trung”* . ((Lỗ)Định Công hỏi: Vua quan đối với nhau như thế nào cho phải? Khổng tử đáp: Vua dùng lễ đối với các quan, các quan dùng lòng trung đối với vua).

Sách Luận Ngữ, “Lý nhân đệ tứ (4-9)”: *“Tử viết: Năng dĩ lễ nhượng vi quốc hồ, hà hữu. Bất năng dĩ lễ nhượng vi quốc, như lễ hà”* . (Khổng Tử nói: Người cảm quyền cai trị dùng lễ **khiêm tốn** , thì trị quốc đâu khó. Cảm quyền mà không dùng lễ khiêm tốn, như vậy không có lễ”.

Sách Luận Ngữ, “Bát dật đệ tam (8-2): *“Cung nhi vô lễ tắc lao, thận nhi vô lễ tắc tử, dũng nhi vô lễ tắc loạn, trực nhi vô lễ tắc giáo. ...”* (Cung kính mà thiếu lễ thì khổ, cẩn thận mà thiếu lễ thì nhút nhát, cương dũng mà thiếu lễ thì loạn, thẳng thắn mà thiếu lễ thì nóng nảy. ...”

Quan niệm về chữ “Trí 智” : Khổng Tử không nói nhiều về chữ “Trí” trong Luận Ngữ. “Trí” là sự sáng suốt để phán đoán đâu là những điều nhân, nghĩa, lễ và tín mà người quân tử nên noi theo.

Diễn hình về chữ “Trí” trong Luận Ngữ:

Sách Luận Ngữ, “Lý Nhân đệ tứ (4-2)”: “*Tử viết: “... Nhân giả an nhân, trí giả lợi nhân”* . (... Người nhân an vui với lòng nhân. Người trí làm lợi ích cho lòng nhân).

Quan niệm về chữ “Tín 信”: Khổng Tử nói về chữ “tín” tương đối nhiều (37 lần). Tín là những điều đáng tin tưởng, như đã hứa thì phải làm, như đã thề thì phải tuân theo

Vài nét diễn hình về chữ “Lễ” trong Luận Ngữ:

Sách Luận Ngữ, “Học nhi đệ nhất (1-4)”: “*Tăng Tử viết: ngô nhật tam tỉnh ngô thân: vi nhân mưu, nhi bất trung hồ? Dữ bằng hữu giao, nhi bất tín hồ? Truyện, bất tập hồ?*” (Mỗi ngày ta xét ba điều: Làm việc cho ai có hết lòng không? Đối với bạn có vẹn chữ tín không? Đạo thầy truyền có học không?)

Sách Luận Ngữ, “Vi chính đệ nhị (2-21)”: “*Tử viết: Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã, Đại xa vô nghệ, tiểu xa vô ngọt, kỳ hà dĩ hành chi tai?*” (Khổng tử nói: Kẻ mà không đáng tin, không biết có làm được điều gì tốt. Như cái xe bò mà không có gánh vai; như xe ngựa mà không có đà lôi, thì làm sao mà kéo xe đi được?)

Sách Luận Ngữ, “Thái bá đệ bát (8-16)”: “*Tử viết: cuồng nhi bất trực, đồng nhi bất nguyện, không không nhi bất tín, ngô bất tri chi hỹ*” . (Khổng tử nói: cuồng vọng mà không ngay thẳng, dốt mà không trung hậu, thực thà mà không thủ tín, ta chẳng biết hạng người đó như thế nào?)

## **Khổng học với học thuyết “Chính Danh” và “Trung Dung”**

### **Học thuyết “Chính Danh”**

Học thuyết “Chính danh” là một học thuyết chính của Khổng Tử. Thuyết này nói về vị trí cách hành xử của mỗi người trong xã hội, làm vua thì phải xứng đáng cho ra vua, bề tôi phải giữ đúng cương vị của bề tôi, người cha trong gia đình phải sống

cho đúng nghĩa của người cha, phận làm con phải hành xử bổn phận của người con.

“*Quân quân , thần thần , phụ phụ , tử tử*” là làm vua thì ra vua, làm tôi ra tôi, con ra con, sống cho đúng danh phận.

Tư Mã Thiên đã viết về Khổng Tử và học thuyết này như sau:

“*Học trò Khổng Tử giữ lại có nhiều người làm quan ở Vệ, nên vua Vệ muốn trao chính trị cho Khổng Tử. Tử Lộ nói:*

*- Nếu vua Vệ giao chính trị cho thầy thì thầy sẽ làm cái gì trước?*

*Khổng Tử nói:*

*- Chắc chắn phải **chính danh** trước!*

*Tử Lộ nói:*

*- Sao thầy viên vông thế, **chính danh** để làm gì?*

*Khổng Tử nói:*

*- Anh rõ thực là què mùa quá! **Cái danh mà không chính thì lời nói không đúng với sự thực, lời nói không đúng với sự thực thì việc không thành, việc không thành thì không làm cho lễ, nhạc phồn thịnh, lễ nhạc không phồn thịnh thì hình phạt không đúng, hình phạt không đúng thì dân không biết đặt tay chân vào đâu.** Phàm người quân tử đã làm điều gì thì có thể nói tên việc đó, và nhất định làm được việc đó. Người quân tử chớ cầu thả trong lời nói của mình.” (SK, KTTG)*

Nhiều học giả cổ kim cho rằng học thuyết “Chính danh” của Khổng Tử đã giúp trật tự trong xã hội phong kiến xa xưa được ổn định.

### **Học thuyết “Trung Dung”**

Học thuyết “Trung Dung” của Khổng Tử không thấy được đề cập đến trong sách Luận Ngữ. Thuyết này do Khổng Tử dạy cho các học trò sau này, được cháu nội của ông là Khổng Cấp, học trò của Tăng Tử viết lại. Đại cương là người quân tử phải hành xử “không thái quá, không bất cập”, đừng cực đoan. Trong sách này đưa ra những lời chỉ bảo của Khổng Tử như:

“*Quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung*” . (Quân tử thì trung dung, tiểu nhân thì trái trung dung).

Đây là một học thuyết khó hiểu, theo học giả Phan Khôi: “*Nhưng chính đức Khổng Tử lại nói rằng : “Lễ trung dung thật là tốt vậy thay, đã lâu rồi, người ta ít làm theo được !”*” .

Ông Phan Khôi là một môn sinh của “cửa Khổng sân Trình” viết: “... *Theo người hiểu thì trung dung là thế nào không biết, chớ theo tôi, tôi không hiểu, ... thì trung dung thật là một cái thuyết lồi thối lắm, như tôi đã nói nẻ nóc ra trên kia. Rút lại nó là thế nào mặc lòng, tôi chỉ đánh cho một cái dấu hỏi lớn rằng : **Tôi không biết một cái thuyết mà chính người lập ra nó đã trối rằng “gươm đao có thể xông vào, chớ không có thể làm theo nó được”, thì thối, còn lập ra làm chi ?***”

## Sự biến thái của Nho giáo qua các triều đại

Khổng Tử xây dựng học thuyết Khổng; với mong muốn kiến tạo một xã hội theo kiểu mẫu nhà Tây Chu, ông đã qua đời với mộng ước không thành! Tuy nhiên các môn sinh theo Khổng học đã tiếp tục phổ biến học thuyết này một cách rộng rãi. Đáng kể nhất là **Mạnh Tử** (372–289 TCN), ông là học trò của Khổng Cấp, chủ trương “*dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*” , khác với quan niệm của Khổng Tử. Mạnh Tử được coi như ông tổ thứ hai của Nho giáo sau Khổng Tử.

Thời Xuân Thu (770 - 476 TCN) chuyển qua thời Chiến Quốc (475 - 211 TCN), dù tư tưởng Đạo gia (của Lão Tử) được truyền bá song hành với Khổng học, nhưng cũng đã có nhiều trường phái tư tưởng khác nổi lên (“Bách gia chư tử”), đáng kể là tư tưởng Pháp gia của Hàn Phi Tử; mà trường phái này đã ảnh hưởng đến xã hội Trung Hoa rất nhiều. Khi nhà Tần thống nhất, Tần Thủy Hoàng đã áp dụng tư tưởng của Pháp gia một cách gay gắt, các trường phái khác đều bị đàn áp, đặc biệt là Khổng học với sự kiện đốt sách và chôn học trò. Nhà Tần bị diệt vong, nhà Hán thống trị (206 TCN – 220), Khổng học thành Nho giáo, rồi trở thành quốc giáo từ thời Hán Vũ Đế Lưu Triệt (156TCN – 87TCN, 54 năm làm vua), mà các học giả gọi thời này là Hán Nho. Sau đó đến các triều đại kế tiếp, Nho giáo đã biến thái khá nhiều, tuy nhiên vẫn trường tồn ở Trung Hoa qua 20 thế kỷ. Vài nét sơ lược về sự biến đổi của Nho Giáo qua thời gian:



## Hán Nho

Tần Thủy Hoàng chết (210TCN), Hồ Hợi lên thay là Tần Nhị Thế. Nhà Tần suy vong, Trung Hoa lâm vào cảnh rối loạn, lúc này Nho học bớt bị đàn áp và tiếp tục được phổ biến. Lưu Bang và Hạng Vũ tranh hùng, Lưu Bang thắng thế thiết lập triều đại nhà Hán. Hán Cao Tổ Lưu Bang vốn là kẻ thô lỗ, coi thường các nhà Nho: *“Bái Công không thích đạo Nho. Thấy những người khách nào đội mũ nhà Nho đến Bái Công liền giật mũ đá vào trong. Khi nói với người ta thường mắng nhiếc, không thể lấy tư cách nhà nho mà thuyết phục ông ta được”* . (SK, Lịch Sinh, Lục Giả liệt truyện). Tuy nhiên khi lên làm hoàng đế, trong các bề tôi nhà Hán có một Nho gia là **Thúc Tôn Tông** (? - ~194TCN). Ông này đã từng làm quan của nhà Tần, rồi theo Hạng Vũ sau đó lại theo nhà Hán. Khi cung Trường Lạc xây xong, ông và các đệ tử bày ra nghi thức cung đình, Hán Cao Tổ rất vui lòng vì thấy mình tỏ được cái oai và sự tôn quý của một vị hoàng đế qua những nghi thức này. Các đệ tử của ông đều được làm quan. Hán đế thấy có thể dùng Nho học để củng cố uy quyền, các Nho gia đã được trọng dụng.

Tới thời Hán Vũ Đế, một Nho gia đã từng làm “bác sĩ” dưới thời Hán Cảnh Đế là **Đổng Trọng Thư**<sup>2</sup> (179 TCN – 104 TCN) đã đưa ra kiến nghị lấy Nho giáo làm quốc giáo, *“bãi bỏ bách gia, độc tôn Nho học”* . Hán Vũ Đế chấp thuận và cho ông này làm tướng quốc. Kể từ đó chế độ thi cử để tuyển người ra làm quan đặt căn bản trên kinh điển của Nho Giáo. Đổng Trọng Thư cũng là một lý thuyết gia về Nho Giáo, ông đã pha trộn Nho học nguyên thủy với các học thuyết khác (Pháp gia, Âm Dương gia) để đưa ra chủ trương “Thiên Nhân cảm ứng”, chủ trương dùng cả “nhân trị” và “pháp trị”. Bên ngoài thì giả nhân đức, mà ẩn tàng thì luật pháp gắt gao. Tất cả chỉ với mục đích thống trị và bảo vệ nền quân chủ chuyên chế.

Đổng Trọng Thư cũng là người đề ra “tam cương” (quân thần, phụ tử, phu phụ) và ông cũng đề cao chữ “tín” trong “ngũ thường”. Tác giả Trịnh Hiểu Giang (Zheng xiao Jiang)<sup>3</sup> đã có nhận định khá chi tiết về Đổng Trọng Thư: *“ Ông mở ra một phương pháp bảo toàn tính mệnh cho những kẻ làm bầy tôi là phải tận tâm tận lực phục vụ cho ông vua. ... Từ cách đặt bầy chính trị của Đổng Trọng Thư, người ta dễ dàng thấy tính tàn khốc của chính thể chuyên chế và cảnh bi thảm của các bầy tôi trong thời đại ông vua là đáng tối cao. Vì những cố gắng về **học thuật và chính trị của Đổng Trọng Thư, Nho học trở thành học thuyết chính thống của***

<sup>2</sup> Hán Thư, Quyền ngũ thập lục, Đổng Trọng Thư truyện đệ nhị thập lục

<sup>3</sup> Sách “Tìm hiểu cuộc đời”, tác giả Zheng xiao Jiang (Trịnh Hiểu Giang) - Người dịch: Nguyễn An

*xã hội thời xưa rộng ra ở Trung Quốc . Tư tưởng của Đông Trọng Thụ trong lịch sử Trung Quốc cũng sinh ra ảnh hưởng to lớn kéo dài mãi không dứt” .*

Khổng học đã đi vào một khúc quanh chính trong lịch sử từ thời Tiền Hán (Tây Hán) bởi Thúc Tôn Thông - người đã đưa Nho học của Khổng Mạnh vào chính trị, và Đông Trọng Thụ - người đã biến cải và đã nâng địa vị của Nho học lên hàng độc tôn. Nho học trở thành Nho giáo và là quốc giáo, qua quyết định của Hán Vũ Đế với mục đích phục vụ cho quân quyền.

### **Đường Nho**

Nho giáo giữ địa vị độc tôn, người dân muốn tiến thân phải học kinh điển của Nho giáo để có thể thi đậu làm quan. Tuy nhiên khá đông dân chúng vẫn theo các tôn giáo khác. Phật giáo du nhập vào Trung Quốc khoảng từ thế kỷ thứ hai sau Công nguyên. Đời nhà Đường, Phật giáo được phát triển vì có sự cổ võ của triều đình. Lão giáo cũng được phục hồi và biến thái thành Đạo giáo có tính cách tu luyện huyền hoặc. Thời Đường là một thời nổi bật của văn hóa Trung Hoa, Nho học được coi như là nền móng của chế độ. Đường Thái Tông Lý Thế Dân (599 – 649) dùng các nhà Nho để soạn lại bộ sách “*Ngũ kinh chính nghĩa*” do Khổng Dĩnh Đạt (574-648) làm chủ biên. Đây là bộ sách tiêu chuẩn cho khoa cử của Nho giáo đời Đường và các triều đại sau này.

### **Tống Nho**

Nho giáo từ thời Hán qua thời Đường đã không có những thay đổi nhiều. Đến thời nhà Tống, Nho giáo tại Trung Hoa trong thế kỷ 11 đã có những thay đổi đáng kể. Nho giáo tuy gọi là “giáo” nhưng chú trọng nặng về xã hội. Lão giáo hay Đạo giáo chú trọng nhiều về triết lý của đời sống, một phân đã biến dạng thành những niềm tin có tính cách huyền bí, như “tu tiên”, luyện đan, v.v... và các tu sĩ theo Đạo giáo được gọi là những đạo sĩ. Quần chúng đã biến tư tưởng của Đạo giáo thành những hình thức có tính cách mê tín. Phật giáo chú trọng đến duy tâm và hầu như không trực tiếp liên quan đến vấn đề chính trị (dù đã có vài hoàng đế say mê Phật pháp), tuy nhiên cũng đã có những ảnh hưởng lớn đến xã hội Trung Hoa.

Các Nho gia thời Tống - những người làm quan, trực diện với xã hội - một số cũng đã bị ảnh hưởng khá nhiều bởi tư tưởng của Đạo gia, những người này đã làm thay đổi quan niệm về Nho khá nhiều, họ pha trộn Nho giáo với quan niệm về siêu hình học của Đạo giáo. Thời Bắc Tống (960 – 1127), điển hình là Trương Tải (1020-1077), Chu Đôn Di (1017-1073) và học trò của ông là hai anh em Trình Hạo (1032-1085), Trình Di (1033-1107). Trình Di với chủ trương phân biệt giai cấp

giữa nam và nữ, ông này đưa ra chủ trương “*phu xướng phụ tùy*” và nêu lên tiết hạnh của người phụ nữ: “*Có người hỏi ông, “Gái góa nghèo bơ vơ, có thể tái giá không?” Ông nghiêm chỉnh trả lời rằng, “Chết là việc nhỏ, thất tiết là việc lớn”* . Rồi câu thành ngữ “*Cửa Không sân Trình*” –“*sân Trình*” ở đây chỉ Trình Tử (Trình Di) .

Bắc Tống đã bị người Kim diệt năm 1127, một hoàng thân của triều Tống là Triệu Cấu (Tống Cao Tông) chạy về phía nam dựng nên nhà Nam Tống. Dù có chiến tranh liên tục với quân Kim phía bắc, nhưng Nho học trong thời này đã có một thay đổi lớn.

Người tạo nên khúc quanh này là Chu Hi (1130 – 1200), ông là người phát triển tư tưởng của Trình Hạo và Trình Di cộng thêm với tư tưởng của Phật giáo, đưa ra một học thuyết có tính cách vừa duy lý vừa duy tâm, dù quan niệm chủ yếu vẫn là Nho giáo. Các học giả gọi học thuyết của ông là “**Tân Nho giáo**”. Ông chủ trương “*cách vật trí tri*” (đối với sự vật, phải biết rõ nguyên lý, để có thể hiểu thấu đáo sự vật), đây là “*Lý học*” của Chu Hi. Ông cũng đề ra chủ thuyết an phận “*Tôn thiên lí, khắc nhân dục*” (muốn giữ cái “lí” của trời thì phải chế ngự cái “muốn” của người), thuyết này được ảnh hưởng bởi quan niệm “diệt dục” của Phật giáo. Chu Hi là người viết sách chú giải Tứ Thư (Luận Ngữ, Đại Học, Trung Dung và Mạnh Tử) cũng như kinh Thi và kinh Dịch. Học thuyết của Chu Hi trở thành một học phái chính trong các triều đại kế tiếp (Nguyên, Minh, Thanh) và ảnh hưởng đến các nước chung quanh, đặc biệt là Việt Nam.

## **Minh Nho**

Nhà Nam Tống bị nhà Nguyên (Mông Cổ) diệt năm 1279, sau gần một thế kỷ ngự trị Trung Hoa, nhà Nguyên bị nhà Minh (1368 – 1644) nổi lên đánh đuổi. Để thiết lập nền quân chủ chuyên chế, nhà Minh cũng giống như các triều đại trước, đã dùng Nho gia trong việc cai trị, vì thế Nho giáo vẫn vững mạnh. Tuy nhiên vì ảnh hưởng Tống Nho, nền giáo dục có tính cách từ chương vẫn được áp dụng.

Thời điểm này xuất hiện một nhà tư tưởng là Vương Dương Minh (1472-1528). Ông có tên thật là Vương Thủ Nhân, có tài cả văn lẫn võ, đã từng làm tướng đi dẹp loạn nhiều lần, tổ chức quân đội rất có qui củ. Ông phê bình “*Lý học*” của Chu Hi, cho là khó mà có thể tìm ra “đạo lí” từ sự vật (sau 7 ngày nghĩ về “lý” của cây trúc, ông đã không tìm ra được “đạo lý” gì!). Sau một thời gian dài suy nghĩ, ông cho là không thể tìm ra “đạo” từ sự vật, mà “đạo” từ trong tâm, tu tâm dưỡng tánh, làm lành, lánh ác mới biết được cái đạo của Trời. Ông đề ra học thuyết “*Tâm học*” là “*trí lương tri*” (cố gắng để biết thế nào là những điều tốt) và “*tri hành hợp nhất*”

( biết được điều tốt lành thì phải lập tức thi hành, biết và làm phải đi đôi với nhau). Học thuyết của ông có tính cách thực dụng và bớt tính cách từ chương, dù cốt lõi vẫn là Nho giáo, được các học giả gọi là “**Nho Giáo cải cách**”. Học thuyết của Vương Dương Minh được phát triển khá rộng từ cuối thời Minh sang đến thời nhà Thanh. Tuy nhiên tư tưởng này vẫn bị lấn áp bởi tính cách từ chương và khoa cử của Tống Nho.

---

Vài nét sơ lược và tóm tắt về tiến trình của Nho giáo với những nhà tư tưởng tiêu biểu:

- Khổng Tử với Khổng học nguyên thủy.
- Mạnh Tử với nhận định “nhân chi sơ tính bản thiện” chủ trương “vương đạo” và “dân vi quý ...”.
- Đổng Trọng Thư với “Tam Cương” và “độc tôn Nho học” để phục vụ nền quân chủ chuyên chế.
- Trình Hạo, Trình Di hội nhập quan niệm siêu hình của Đạo học vào Nho giáo
  - Chu Hi với “Lý học” và sự hội nhập quan niệm Đạo học cũng như tư tưởng Phật giáo vào Nho Giáo
  - Vương Dương Minh với “Tâm học” và “tri hành hợp nhất”.

## C-Mặc học với sự phê bình về Nho học

Mặc học do Mặc Tử sáng lập, ông là người phê bình học thuyết của Khổng Tử một cách gay gắt, từ quan niệm về đạo đức đến vấn đề xã hội. Đối với Nho học, Mặc Tử chống quan niệm về “Nhân”, phê phán về “Lễ”, chê bai “Nhạc”, phê bình thuyết “Thiên mệnh”, bài bác thuyết “Chính Danh”.

Ngược lại Mạnh Tử cũng chê bai Mặc Tử thậm tệ: “*Nay thuyết của Dương Chu cùng Mặc Địch lan tràn thiên hạ... Họ Dương chủ trương vị kỷ, ấy là không có chúa; họ Mặc chủ trương kiêm ái, đó là không có cha; kẻ không chúa không cha, là loài cầm thú vậy*”<sup>4</sup>. Rồi Mạnh Tử cũng đã nói: “*Đạo của Dương, Mặc mà không dứt, thì đạo của Khổng Tử không sáng tỏ được*”<sup>5</sup>.

---

<sup>4</sup> Sách “*Bây Đại Triết Gia Trung Quốc Đòi Chu - Tần*”, tác giả Ngô Quân, chương “*Giá Trị Của Mặc Học*”: “*Dương Chu Mặc Địch chỉ ngôn dinh thiên hạ... Dương thị vị ngã, thị vô quân giã; Mặc thị kiêm ái, thị vô phụ giã; vô quân vô phụ, thị cầm thú giã*”.

<sup>5</sup> Sách “*Bách Gia Chư Tử*” của Thảo Đường Cư Sĩ Trần Văn Hải Minh.  
<http://chimviet.free.fr/vanhoc/bachgiachutu/bachgiachutu01.htm>

Đối với vấn đề mưu sinh, ai cũng phải có ăn để mà sống, Mặc Tử và các môn sinh của ông chủ trương phải ra công sức lao động, để tự tạo lấy nhu cầu và phương tiện cho đời sống, cho mình và cho người, sống cần kiệm; nếu không muốn nói là khổ hạnh để mưu cầu hạnh phúc cho mình và tha nhân, thể hiện tinh thần **vị tha** (vì tha nhân). Trong khi đó các nhà Nho theo Khổng học thì không lao động để có thể tự mưu sinh, nhưng sống bằng bổng lộc được cung cấp bởi những kẻ lao động (nông, công, thương), gián tiếp qua các vua chúa (từ thuế). Họ dùng sản phẩm và phương tiện của kẻ lao động để cung phụng mình, nhiều khi còn đi đến sự bóc lột. Đây là sự xung khắc ngầm ngấm giữa hai học phái

Về vấn đề xã hội, đã có nhiều học giả từ đông sang tây đã so sánh học thuyết “kiêm ái”, quan niệm “bình đẳng”, chống đối những sự gây hấn và chiến tranh, hy sinh cho người của Mặc Tử giống như tinh thần “bác ái”, “yêu người như mình”<sup>6</sup> của Ki-tô giáo.

### **Tiểu sử:**

Mặc Tử tên là Mặc Dịch, người nước Lỗ (có thuyết nói ông là người nước Tống). Ông sinh cuối thời Xuân Thu, sau khi Khổng Tử mất khoảng 10 năm (~490 - ~397 TCN)<sup>7</sup> và lớn lên thời Chiến Quốc. Mặc Dịch xuất thân bần hàn, rất có năng khiếu về kỹ thuật, kiếm sống bằng nghề thủ công. Tương truyền ông là nhà phát minh ra cánh diều (kite)<sup>8</sup>. Lúc thiếu thời ông theo Nho học, nhưng không đồng ý với Nho học, ông chuyển qua tự học bằng cách đọc sách để nhận định và tìm hiểu về tư tưởng, học hỏi thêm kiến thức. Sự học của ông qua sử sách là sự chọn lọc những điều tinh túy, để có thể phân biệt được đâu là điều đúng, đâu là điều sai. Ước mong của ông là **“làm lợi cho người và cho đời”**. Với hoài bão này, ông đã cố truyền bá tư tưởng của mình. Học trò của ông cũng là những người lao động. Mặc Tử là người cổ võ hoà bình và chống đối chiến tranh một cách kịch liệt, ông đã đi qua các nước như Tống, Tề, Ngụy, Việt, Sở truyền bá tư tưởng “phi công” để củng cố hòa bình. Thời Chiến Quốc, chiến tranh càng dòn dập hơn thời Xuân Thu. Nước Tề chuẩn bị mang quân đánh chiếm nước Lỗ, Mặc Tử sang Tề và đã thuyết phục được vua Tề bỏ ý định này.

---

<sup>6</sup> Kinh Thánh: “*Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy, là người phải yêu người thân cận như chính mình*” (Mt 22,39). Điều răn thứ nhất có tính cách tôn giáo là “Kính thờ và yêu mến Thượng Đế”

<sup>7</sup> Theo học giả Nguyễn Hiến Lê. Hiện có nhiều tài liệu không đồng nhất về tên, năm sinh, năm tử cũng như quê quán.

<sup>8</sup> Độc giả có thể tìm trong Google với câu “Kite invention”

Một việc nổi tiếng về Mặc Tử được ghi lại qua sử sách là việc ông đã ngăn cản được một cuộc chiến giữa Sở và Tống. Sở chuẩn bị đánh Tống, vì nghĩ là có Công Thâu Ban (Gongshu Ban 公輸班, cũng gọi là Lỗ Ban) đã chế được “thang mây” (vân thê) – một chiến cụ để tấn công thành. Mặc Tử từ nước Lỗ đi liên tục mười ngày đêm tới Ảnh Đô là kinh đô của Sở gặp Công Thâu Ban (CTB); để khuyên ông này bỏ ý định chế thang mây. CTB nói là ông đã nhận lời của Sở vương. Mặc Tử nhờ CTB dẫn ông tới gặp vua Sở là Sở Huệ vương để trình bày hơn thiệt. Mặc Tử nói với vua Sở với đại ý là Sở đất rộng, giàu có sao lại cố đánh chiếm Tống là nước nhỏ và nghèo, vua Sở vẫn không đổi ý, hơn nữa CTB cho là với thang mây thì nhất định sẽ hạ được thành dễ dàng. Mặc Tử nói với CTB: “Ông có cách đánh thành thì tôi có cách giữ thành”. Sau đó Mặc Tử cỡi thắt lưng quây trên sàn giả làm thành, cùng với các vật dụng nhỏ bằng gỗ giả làm chiến cụ thủ thành. CTB công thành, Mặc Tử thủ thành. Sau 9 phương thức công thành của CTB, Mặc Tử đều có cách phòng thủ. CTB nói là còn một cách nữa để công thành nhưng không nói ra. Mặc Tử trả lời là cũng còn cách thủ thành nhưng không nói. Sở vương thấy lạ nên hỏi hai người đang nói gì? Mặc Tử trả lời là ý của CTB định giết mình thì Tống không còn cách thủ thành, rồi ông nói là trước khi sang Sở ông đã sai Cầm Hoạt Ly cùng với 300 đệ tử khác; mang các chiến cụ sang Tống để đề phòng khi quân Sở tấn công. Sở Huệ vương chứng kiến bản lĩnh phòng thủ của Mặc Tử và thấy là khó có thể thắng Tống nếu cuộc chiến xảy ra, nên bỏ ý định đánh Tống.

Mặc Tử đã ngăn chặn được cuộc chiến tranh Tống - Sở, hàng trăm ngàn sinh linh cũng như tài sản đã không bị tiêu tan. Chủ trương “phi công” đã được Mặc Tử mang chính mạng sống mình ra để thi hành.

## **Chủ thuyết của Mặc Tử**

Mặc Tử là người sáng lập ra Mặc học. Ông đưa ra học thuyết “*kiêm ái và phi công*” (兼愛非攻, **Kiêm** : bao gồm, **ái**: yêu, **phi**: không, **công**: đánh, tấn công), không chiến tranh, chủ trương yêu thương hoà bình, mọi người đều bình đẳng, sống cần kiệm và phải làm việc để được no đủ. Ông chủ trương chủ nghĩa “thực nghiệm” để tạo phúc lợi cho người và cho đời.

Những tài liệu còn lại đến ngày nay cho hậu thế biết là đã có 71 thiên trong 15 quyển sách. Số phận của những thiên bị thất thoát có lẽ cũng do việc đốt sách của Tần Thủy Hoàng và kinh điển của Mặc học gần như bị đi vào quên lãng kể từ thời Tiền Hán, kho Nho giáo đi vào vị thế độc tôn. Ngày nay còn 53 thiên được lưu truyền.

Mặc Tử tin vào thần linh <sup>9</sup>, “ông rất tin Trời, tin quỷ thần (có lẽ cũng do ảnh hưởng của (nước) Tống), với ông Trời là đáng chúa tể, quản lãnh mọi việc trên thế gian, ai thuận ý Trời thì được thưởng, trái ý Trời thì bị phạt, mà muốn thuận ý Trời thì phải yêu khắp mọi người vì Trời muốn cho loài người được sung sướng”  
10

Mặc Tử chủ trương sống theo ý Trời, vì “ngã dĩ thử tri kỳ kiêm ái thiên hạ chi nhân dã” (vì biết là Trời thương yêu mọi người trong thiên hạ) và “khiết vi tư thịnh tửu lễ, dĩ kính tế tự Thượng Đế”<sup>11</sup> (sửa soạn bánh rượu tinh khiết để hiến tế Thượng Đế) vì “Thả thiên chi ái bách tính dã” (Trời thương yêu mọi người). Ông cho là các kẻ sĩ hay quân tử là những người ước mong làm điều nghĩa hợp với lẽ Trời (“Kim thiên hạ chi sĩ quân tử dục vi nghĩa giả, tắc bất khả bất thuận thiên chi ý hỹ”)<sup>12</sup>.

Những câu được ghi lại từ môn sinh của Mặc Tử, từ 53 thiên trong sách của Mặc học, thấy có 25 lần đề cập đến chữ “Thượng Đế” (“上帝”), đặc biệt là trong thiên 26, 27, 28: “Thiên Chí” thượng, trung, hạ <sup>13</sup>. Qua những điều đã viết trong ba thiên này, có lẽ ông tin có một đấng “Thượng Đế”, và Đấng này là nguồn của yêu thương, quyền năng và sự hiểu biết, mặc dù đây là cách diễn tả có vẻ khó hiểu của những người trong “Mặc gia” 24 thế kỷ trước!

Về phương diện luận lý về quan niệm đạo đức cũng như chính trị, Mặc Tử đề ra phương pháp “tam biểu”: thứ nhất xét “gốc” của sự việc, sau đó xem cái “nguyên” có hợp với quyền lợi của mọi người, nếu thấy đúng thì “ứng dụng” vào việc cai trị.

Từ sự lý luận này, Mặc Tử chủ trương làm gì cũng phải nghĩ đến điều lợi lâu dài cho mọi người. Người dân phải cùng nhau nhận biết điều gì tốt cho họ, rồi ứng dụng, không cần phải theo những truyền thống cũ (ngược với quan điểm “hung Chu” của Khổng học)

## **Phê bình Nho học**

Sách của Mặc học dành riêng hai thiên 38 là “Phi Nho thượng” (thất lạc) và thiên 39 “Phi Nho hạ” để đả kích Nho học, dù các thiên khác cũng có nhiều sự bài bác.

<sup>9</sup> Mặc Tử, thiên 8, “Minh quy”. <http://ctext.org/mozi/on-ghosts-iii>

<sup>10</sup> Sách “Đại cương triết học Trung Quốc”, Tác giả: Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê

<sup>11</sup> Mặc Tử, thiên 27, “Thiên chí- quyển trung - đệ nhị thập thất”

<sup>12</sup> Mặc Tử, thiên 28, “Thiên chí- quyển hạ - đệ nhị thập bát”

<sup>13</sup> <http://ctext.org/mozi/book-7>

## Quan niệm về “Nhân”

Một cách đại cương thì chữ “nhân” của Khổng Tử là thương người. Khổng học chủ trương “*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” (đừng làm những gì mà mình không muốn điều người khác làm cho mình), tuy nhiên sự thương yêu này có tính cách giới hạn và giai cấp: “*Khổng Tử khích lệ mỗi quan tâm cá biệt cho gia đình, thân tộc của mỗi người, gây nhiều thương tổn cho cảm giác phổ quát của loài người về thiện chí. Mặc Tử tuyên bố rằng lòng trung thành ưu tiên cho gia tộc - thân nhân: thân yêu người thân - là cội rễ của cái ác. Ông tìm cách thay thế nó bằng quan điểm xã hội hòa hợp dựa trên “kiêm ái: yêu hết cả mọi người”, một học thuyết làm nảy sinh cảm giác thiết thực về phúc lợi của toàn thể xã hội*”<sup>14</sup>.

Quan điểm về “nhân” của Mặc học là “*Ái nhân nhược ái kỳ thân*” (yêu người như yêu mình)<sup>15</sup>, không kỳ thị, không phân biệt giai cấp hay phe nhóm. Ông còn đi xa hơn nữa “*Vi bi giả, do vi kỷ dã*” (vì người cũng như vì mình)<sup>16</sup>.

## Quan niệm về “Lễ”

Quan niệm về “lễ” của Mặc Tử khác với Khổng Tử. Khổng Tử trọng “lễ”, ông rất chú trọng đến nghi thức trong các cuộc tế lễ. Tâm lý con người nói chung thì hầu hết ai cũng cho là mình quan trọng. Những nghi thức để chứng tỏ uy quyền của “thiên tử” đã được các Nho gia tận dụng. Điển hình là Thúc Tôn Thông và đám đệ tử. Họ đã làm Hán Cao Tổ thỏa mãn và Nho gia được trọng dụng. Trong khi đó Mặc học lại chống đối. Kẻ theo tâm lý chung của người đời đã thắng, “kẻ lợi ngược dòng” sẽ bị đào thải, dù có thể đây là chân lý, nhưng những tư tưởng này đã không được sự hỗ trợ của những kẻ có quyền hành, vì đụng chạm đến quyền lợi của họ. Mặc học đã suy tàn từ thời Tiền Hán.

Mặc Tử cho là Khổng Tử rườm rà về “lễ” chỉ gây nên sự tốn kém: “*chư gia phi bất gia dân lợi giả, thánh vương phát vi*”<sup>17</sup> (điều gì làm tốn kém cho dân, các bậc thánh vương không làm).

---

<sup>14</sup> “*Nho Giáo Đại Cương*”, tác giả Nguyễn Ước

<sup>15</sup> Mặc Tử, thiên 14, “*Kiểm ái thượng*”, <http://ctext.org/mozi/universal-love-i>  
“*Nhược sử thiên hạ kiêu tương ái, ái nhân nhược ái kỳ thân, do hữu bất hiếu giả hồ?*”. (Suppose everybody in the world loves universally, **loving others as one's self**. Will there yet be any unfilial individual?).

<sup>16</sup> Mặc Tử, thiên 16, “*Kiểm ái hạ*”

<sup>17</sup> Mặc Tử, thiên 21, “*Tiết dụng- quyền trung - đệ nhị thập nhất*”



Về nghi lễ, Mặc Tử cho là Trời chẳng cần những lễ vật, mà Trời nhận sự hiến tế là tình thương yêu đồng loại “*phù hệ duyệt thuyết dĩ bất dục nhân chi tương ái tương lợi dã? Cố viết : “ái nhân lợi nhân giả , thiên tất phúc chi , ác nhân tặc nhân giả , thiên tất hoạ chi”*”<sup>18</sup>

Vấn đề tang lễ, Mặc Tử đồng ý tang lễ là điều nên làm “*táng tuy hữu lễ , nhi ai vi bản yên*” (an táng phải có lễ để khóc thương người quá cố)<sup>19</sup> nhưng giản dị. Ông cho là các Nho gia lười làm lụng chỉ lợi dụng tang lễ để kiếm ăn, trục lợi, nên ông đã mạt sát vấn đề này một cách thậm tệ: “*Thả phu phồn sức lễ nhạc dĩ dâm nhân , cửu táng nguy ai dĩ mạn thân , lập mệnh hoãn bản nhi cáo hao cư , bội bản khí sự nhi an đãi ngạo , tham vu ẩm thực , noạ vu tác vụ , hãm vu cơ hàn , nguy vu đống nôi , vô dĩ vi chi . ... phú nhân hữu táng , nãi đại thuyết , hỷ viết: “thử y thực chi đoan dã”.*”<sup>20</sup>

## Quan niệm về “Nhạc”

Mặc học có nguyên ba thiên 32, 33, 34 là “*Phi nhạc thượng, trung, hạ*”, thiên 33, 34 đã thất lạc. Trong thiên 32, Mặc Tử nêu một số lý do là không nên có “nhạc”:

Các thánh vương không dùng nhạc, vì: “Nhạc” không làm lợi cho người dù “nhạc” làm con người thoải mái, nếu vậy dùng “nhạc” là không đúng: “*Tuy thân tri kỳ an dã , khẩu tri kỳ cam dã , mục tri kỳ mỹ dã , nhĩ tri kỳ nhạc dã , nhiên thượng khảo*

<sup>18</sup> Mặc Tử, thiên 4 “*pháp nghi đệ tử*”.

Phiên dịch sang Anh ngữ trong <http://ctext.org/mozi/on-the-necessity-of-standards> :

“*Does this not mean that Heaven claims all and accepts offerings from all? Since Heaven does claim all and accepts offerings from all, what then can make us say that it does not desire men to love and benefit one another? Hence those who love and benefit others Heaven will bless. Those who hate and harm others Heaven will curse*”

<sup>19</sup> Mặc Tử, thiên 2 “*Tu thân đệ nhị*”.

<sup>20</sup> Mặc Tử, thiên 39 “*Phi Nho hạ đệ tam thập cửu*”

Phiên dịch nguyên đoạn văn sang Anh ngữ trong <http://ctext.org/mozi/anti-confucianism-ii> :

“*Moreover, the Confucianist glosses over the elaborate ceremonials and music to make man extravagant; he extends mourning and pretends grief to cheat his parents. He introduces fate and causes poverty, and lives in idleness. He overthrows the fundamentals and avoids work, and is indolent and proud. Self-indulgent in drinking and eating and too lazy to work, he often suffers from hunger and cold and is in danger of freezing and starvation, without ability to avert them. He behaves like a beggar; grasps food like a hamster, gazes at things like a he-goat, and rises up like a wild boar. The gentlemen all laugh at him. He becomes angry and exclaims: "What does the undisciplined man know about the good Confucianist?" In spring and summer he begs for grains. When the five grains are all gathered in he resorts to the funerals. All the sons and grandsons are taken along and are filled with drink and food. It is sufficient for him to manage but a few funerals. He depends on others' houses for his wealth and uses others' fields to uphold his dignity. When a death takes place in a rich family he will rejoice greatly, for it is his opportunity for clothing and food*”.

*chi bất trung thánh vương chi sự; hạ độ chi , bất trung vạn dân chi lợi . Thị cố tử Mặc Tử viết: “vi nhạc , phi dã!”.*

Rồi “nhạc” làm tốn kém vì phải chế nhạc cụ, người dân lo về “nhạc” mà không sản xuất nhu yếu phẩm, ăn uống vui chơi quá độ v.v ...

“Nhạc” theo quan niệm của Nho gia là cần phải có “nhạc” để dùng cho “lễ”. Mặc Tử theo chủ thuyết “thiết thực”, những điều gì không cần thiết cho con người mà cố gắng thi hành là sai trái. Có thể là khởi đầu thời Chiến Quốc, chiến tranh xảy ra liên miên, người chết nhiều, không đủ nhân sự để sản xuất các nhu yếu phẩm, đói kém thường xuyên, nên vấn đề này đã ảnh hưởng đến tư tưởng của Mặc học?

Vì thế Mặc Tử cố loại bỏ những điều gì không có tính cách thực nghiệm, “*Tuân Tử*<sup>21</sup> *chê ông là bị cái “dung” che lấp mà không biết cái “văn vẻ”, không biết đến mỹ thuật. Nhưng theo Lưu Hướng trong sách Thuyết uyển, thì ông có nói với Cầm Tử đại ý rằng trong năm đói kém, lúa gạo quý hơn châu báu; “phải được thưởng ăn cho no rồi mới cầu cái ngon, phải được thưởng mặc ấm rồi mới cầu cái đẹp, phải được thưởng ở yên rồi mới cầu cái vui, như vậy mới lâu bền được, tóm lại là phải trong cái chết trước hết rồi mới đến cái văn, việc của thánh nhân là thế. Nếu lời đó đúng thì Mặc Tử không phải là chê hẳn mỹ thuật, mà chỉ cho nó là phụ thôi.”*<sup>22</sup>

## **Quan niệm về “Thiên mệnh”**

Khổng Tử cho rằng “Thiên mệnh” là số phận đã định đoạt sẵn và hướng dẫn hành động của từng cá nhân.

Mặc Tử không tán đồng quan niệm này, ông cho là nếu tin vào thiên mệnh thì còn nỗ lực để cải thiện cuộc sống làm gì? Niềm tin này chỉ làm con người lười biếng không chịu tìm kiếm những điều tốt hơn!

Mặc học có 3 thiên 35, 36, 37 là “*Phi mệnh thượng, trung, hạ*” để bài bác quan niệm về “mệnh” của Khổng học, những thiên này vẫn còn được lưu truyền.

Khổng học quan niệm là con người có số mạng

Luận Ngữ “Nghiêu viết đệ nhị thập chi tam”: “*Tử viết: bất tri mệnh , vô dĩ vi quân Tử dã*” (Không biết mệnh không phải là kẻ quân tử)

<sup>21</sup> Tuân Tử (313 TCN -235TCN)- một Nho gia trong “Bách gia chư tử”, là thầy của Hàn Phi Tử học phái “Pháp gia”.

<sup>22</sup> Sách “*Đại cương triết học Trung Quốc*”, Tác giả: Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê

Luận Ngữ “Nhan Uyên đệ thập nhị”: “*tử sinh hữu mệnh , phú quý tại thiên*”  
(Sống chết do mệnh, giàu sang do mệnh)

Luận ngữ “Hiển vấn đệ thập tứ - chi tam bát ”: “*Đạo chi tương hành dã dự, mệnh dã, đạo chi tương phé dự dã, mệnh dã,...*” (Cũng là hành đạo, nhưng đạo của ông (Tử Lộ) nếu như đem ra thi hành thì chính là trong mệnh đã định, đạo nếu như thất bại, thì trong mệnh đã vốn có sẵn. ”

Một cách đại cương là Khổng học rất tin tưởng vào số mệnh

Mặc Tử phản đối quan niệm về “mệnh”<sup>23</sup>

Ông cho rằng quan niệm này không tốt lành gì, vì không thể biện minh là có “mệnh” hay không? “*Có đương chấp hữu mệnh giả chi ngôn , bất khả bất minh biện*”

Vì thế Mặc Tử đưa ra cách để khảo sát:

“*Có ngôn tất hữu tam biểu. Hà vị tam biểu? Tử Mặc Tử ngôn viết: “hữu bản chi giả , hữu nguyên chi giả , hữu dụng chi giả . U hà bản chi?”*

Đây là cách lý luận “tam biểu” (đã nêu lên trong phần trước) là tìm hiểu về cái “gốc”, rồi cái “nguyên” sau đó là “ứng dụng”

Sau khi áp dụng nguyên tắc “tam biểu” để biện luận, Mặc Tử cho là nếu con người tin vào “mệnh” thì sẽ sinh ra lười biếng, không đủ ăn đủ mặc, rồi tới cảnh nước mất nhà tan cũng đều cho đó là số mạng của họ.

Mặc Tử đi đến kết luận : “Thị cô tử Mặc Tử ngôn viết : “*kim thiên hạ chi sĩ quân tử, trung thực dực thiên hạ chi phú nhi ác kỳ bản , dực thiên hạ chi trị nhi ác kỳ loạn , chấp hữu mệnh giả chi ngôn , bất khả bất phi , thử thiên hạ chi đại hại dã.*” (Mặc Tử nói: nay người quân tử trong thiên hạ muốn mọi người giàu có, không muốn họ nghèo, muốn thiên hạ như thế (tin vào “mệnh”) thì sẽ sinh loạn, quan niệm về “mệnh” nên loại bỏ, vì quan niệm này là tai họa cho thiên hạ)

Tại sao Mặc Tử cho rằng sự tin vào số mệnh là tai họa của thiên hạ? Vì ông cho rằng nó là nguyên nhân gây ra sự nghèo túng:

“*Quần lại tín chi , tắc đãi u phận chức; thử nhân tín chi , tắc đãi u tòng sự . Lại bất trị tắc loạn , nông sự hoãn tắc bản , bản thử loạn chính chi bản, nhi Nho giả*

<sup>23</sup> Mặc Tử, thiên 35, “Phi mệnh (thượng) đệ tam thập ngữ”

*dĩ Đạo giáo, thị tặc thiên hạ chi nhân giả dã*”<sup>24</sup>. ( Quan lại tin vào điều này (“mệnh”) sẽ không thi hành nhiệm vụ, thứ dân tin vào điều này sẽ bỏ bê công việc. Quan lại không lo trị an sẽ sinh loạn, nhà nông biếng trễ sẽ sinh nghèo, **chính cái nghèo sinh ra loạn lạc**, các Nho gia dạy điều này như Đạo học thì loạn là phải rồi!).

Tóm lại Mặc học bài bác Nho học cực kỳ gay gắt, đã vạch ra từng điểm để phê bình trong 53 thiên của sách Mặc học. Hai quan niệm Nho học và Mặc học không thể đứng chung! Lịch sử đã nói lên điều này. Nho học có quan niệm hợp với quyền lợi, sự tự tôn của những kẻ có quyền hành - các vua chúa, nên Nho học đã được họ cổ võ triệt để. Mặc học có quan niệm ngược với đặc quyền của họ, nên bị trôi vào quên lãng gần như hoàn toàn thời Hán Vũ Đế, có chăng chỉ là những lưu trữ trong các sách được cất dấu.

## **D-Nhận xét về Khổng Tử qua “*Khổng Tử Thế Gia*” (Sử Ký)**

Sử gia thời Tiền Hán là Tư Mã Thiên (145 TCN -86 TCN) đã dành riêng một thiên khá dài so với các thiên khác trong sách Sử Ký để viết về Khổng Tử.

Đoạn cuối cùng của “*Khổng Tử Thế Gia*” (bản dịch của Phan Ngọc) viết như sau:

*“Thái Sử Công (Thái Sử Công là danh xưng về chức vụ của Tư Mã Thiên ) nói: Trong thiên hạ các vua chúa và người tài giỏi rất nhiều, khi sống thì vinh hiển, nhưng lúc chết là hết. Khổng Tử là một người áo vải thế mà truyền hơn mười đời, các học giả đều tôn làm thầy, từ thiên tử tới vương hầu ở Trung Quốc hễ nói đến lục nghệ đều lấy Khổng Tử làm tiêu chuẩn. Có thể gọi là bậc chí Thánh vậy” .*

Kết luận là như thế, tuy nhiên phần nội dung ông đã viết về Khổng Tử như thế nào? Hậu thế xin tìm hiểu:

### **1- Lời của tể tướng Án Anh nước Tề:**

*“Bọn nhà nho chỉ là kẻ ba hoa mà không thể noi gương theo họ được. Họ **kiêu ngạo** , tự cho mình là phải nên không thể để cho họ làm tôi. Họ chú trọng việc chôn cất, thương xót, **làm mất gia sản** để chôn cất cho được đầy đủ, không thể cho điều đó thành phong tục. Họ đi du thuyết hết nơi này đến nơi khác **để kiếm ăn** , không thể cho họ trị nước được.”*

<sup>24</sup> Mặc Tử, thiên 39 “*Phi Nho hạ đệ tam thập cửu*”

Dù đây là lời của Ân Anh (cùng thời với Khổng Tử), nhưng được ghi lại trong “Khổng Tử Thế Gia”, hậu thế sẽ nghĩ sao về Khổng Tử với sự phê bình của người nổi tiếng về sự đứng đắn<sup>25</sup> và sống cùng thời.

## **2-Sự phán đoán của Khổng Tử:**

Khổng Tử nổi tiếng là người hiểu biết khi còn sống, tuy nhiên sự phán đoán của ông như sau:

*“Khi nước Ngô đánh nước Việt, phá hủy Cối Kê, có lấy được **một cái xương, chở đầy một xe**. Vua Ngô sai sứ giả hỏi Trọng Ni: Tại sao xương lại lớn như vậy?*

*Trọng Ni nói: Vua Hạ Vũ triệu tập những người làm chủ núi sông ở núi Cối Kê. Phòng Phong đến sau bị vua Vũ giết phơi thây, mỗi cái xương của ông ta chở đầy một xe. Xương này là của Phòng Phong cho nên lớn như vậy.”*

Luận Ngữ “Vi chính đệ nhị - chi thập thất”: “... *Tri chi vi tri chi , bất tri vi bất tri , thị tri dã*” . (Biết thì nhận là biết, không biết thì nhận là không biết, đó là biết vậy).

Mỗi cái xương người đầy một xe!? Có lẽ tình cờ khai quật được xương khủng long mới lớn đến như vậy<sup>26</sup>! Khổng Tử không biết về vấn đề này và nói bừa đây là xương ông Phòng Phong. Qua câu nói của Khổng Tử từ đoạn văn trên , chúng ta thấy có những vấn đề nên bàn luận:

### **Câu hỏi được đặt ra:**

- Khổng Tử không biết gì nguồn gốc, xuất xứ của hiện vật tìm thấy và **nói bừa** ?
- Chúng tỏ sự hiểu biết của mình, dù biết rằng mình hoàn toàn không biết gì về hiện vật => **Kiêu căng** ?
- Không biết mà nói biết là **lừa dối** ?
- “**Nói một đằng, làm một nẻo!**” ? Không biết nói là biết ( *Tri chi vi tri chi , bất tri vi bất tri , thị tri dã* ) ?

## **3- Khi Khổng Tử làm tướng quốc tại Lỗ:**

*“ Năm thứ 14 đời Định công, Khổng Tử 56 tuổi, rời chức tư khấu, **quyền giữ chức tướng quốc** . Thấy **Khổng Tử có vẻ mừng rỡ**, một người học trò nói: Tôi*

<sup>25</sup> Tề tướng nước Tề là Ân Anh với truyện quý trọng vợ, có tài ứng đối

<sup>26</sup> Trung Hoa đã khai quật được khá nhiều xương khủng long tại tỉnh Giang Tô, vùng đất gần Cối Kê. Theo Sử Ký là nơi có lăng vua Đại Vũ. Hiện có “Changzhou China Dinosaur Park” (Thường Châu khủng long viên) tại đây.

nghe thầy nói: "Người quân tử khi tai họa đến thì không sợ, khi phúc đến thì không mừng".

Khổng Tử nói: Câu nói ấy cũng có đấy. Nhưng chẳng có câu: "**Vui vì ở địa vị cao quý mà khiêm tốn đối với mọi người**" hay sao?"

### **Câu hỏi được đặt ra:**

- Ở địa vị "cao quý?", coi thường người khác, **cao ngạo và không khiêm tốn** với địa vị của mình?

- **Kiêu căng và kỳ thị** về giai cấp?

-Khổng tử **mê công danh** ? Vui mừng khi được trọng dụng? Học trò ông đã đặt câu hỏi về việc này!

-Khổng Tử **ngụy biện** cho sự kiêu căng và kỳ thị giai cấp?

-Khổng Tử **lừa dối** mình và lừa dối học trò?

### **4- Khổng Tử từ quan**

*"Vua Tề bèn sai chọn tám mươi người con gái đẹp ở trong nước Tề .... Vua Lỗ bỏ chính sự ....Cuối cùng, Quý Hoàn Tử nhận nữ nhạc của Tề, ba ngày không nghe việc chính sự. Khi làm lễ tế giao cũng **không đưa thịt tế đến cho các quan đại phu**. Khổng Tử bèn ra đi."*

Khổng Tử từ quan vì không được vua cho thịt tế ?

Hay vì việc vua Lỗ và Quý Hoàn Tử "*không nghe việc chính sự*" ?

Đã có ý kiến khác nhau về vấn đề này. Nho gia thì cho là Khổng Tử bỏ đi vì vua Lỗ mê nữ sắc, không màng để chính sự nên ông từ quan và bỏ đi. Người phê phán Khổng Tử thì cho rằng ông bỏ đi vì không được chia thịt nên xấu hổ, vì miếng thịt mà từ quan thì đây là cách hành xử không ra gì.

Khi làm tướng quốc, Khổng Tử đã giúp nước Lỗ cũng như dân chúng có được cảnh an cư lạc nghiệp:

*"Sau khi tham dự chính quyền trong nước ba tháng, những người bán cừ bán lợn không dám bán thách, con trai con gái ở trên đường đi theo hai phía khác nhau, trên đường không nhặt của rơi. Những người khách ở bốn phương đến thành ấp không cần phải nhờ đến các quan, bởi vì người ta đều xem họ như người trong nhà."*

Nếu vua Lỗ và Quý Hoàn Tử bỏ bê chính sự thì dân Lỗ càng cần ông hơn nữa. Không Tử lại bỏ đi! Hai lý do đã nêu đều khó được chấp nhận!

### **Câu hỏi được đặt ra:**

Có phải Không Tử **vị kỷ**, chỉ nghĩ về mình mà không nghĩ đến người dân? Đây có phải là hành động của “thánh nhân”?

### **5- Không Tử là “văn” và “đức”?**

*“Không Tử nói: Sau khi Văn vương chết đi cái "văn" không phải ở ta hay sao? Nếu trời muốn làm mất cái "văn" ấy đi thì ta là người sinh sau đã không được biết đến nó. Vì trời chưa muốn mất cái "văn" ấy thì người đất Khuông làm gì được ta?*

...

*Không Tử nói: **Trời sinh đức ở ta**, Hoàn Khôi làm gì được ta? ”*

“Văn” cũng ở Không Tử, “đức” cũng ở Không Tử. “Văn” mà mất thì đời sau không có văn?

### **Câu hỏi được đặt ra:**

Không tử có **kiêu ngạo** quá hay không?

### **6-Không Tử bội thề!**

*“Không Tử bèn rời khỏi đất Trần, đi qua đất Bò. Vừa lúc ấy họ Công Thúc cầm đầu người đất Bò nổi loạn. Người đất Bò giữ Không Tử lại. Trong số học trò của Không Tử có Công Lương Nhụ đem năm cỗ xe của mình đi theo Không Tử. Ông ta là người đứng tuổi, tài giỏi, có sức mạnh. Ông ta nói: Xưa kia con theo thầy gặp nạn ở đất Khuông, nay gặp nạn ở đây, đó là mệnh! Con lại cùng thầy gặp nạn, con quyết chiến đấu mà chết.*

*Ông chiến đấu rất hăng. Người đất Bò sợ hãi, bảo Không Tử: Nếu ông không đến nước Vệ thì chúng tôi sẽ cho ông đi.*

***Không tử cùng họ ăn thề.** Họ cho Không Tử đi ra phía cửa đông. Không Tử liền đến đất Vệ.*

*Tử Cống hỏi: **Có thể phụ lời thề được sao?***

*Không Tử nói: Đó là vì ta **bắt buộc phải thề cho nên quỷ thần không nghe** ”*

Phần đầu trong thiên này cũng đã viết: “Không Tử dạy bốn điều: văn học, đức hạnh, trung thành, **tín nghĩa**”

Sách Luận Ngữ, “Vi chính đệ nhị (2-21): “*Tử viết : Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã, ...*” (Khổng tử nói: Kẻ mà không đáng tin, không biết có làm được điều gì tốt. ...?)

Qua đoạn văn này chúng ta thấy Khổng Tử mới vừa thề thốt xong đã nuốt lời thề. Đến độ học trò của ông là Tử Cống phải hỏi : “*Có thể phụ lời thề được sao?*” . Rồi để biện luận cho hành động của mình, Khổng Tử nói là bị bắt buộc nên làm thế!

### **Câu hỏi được đặt ra:**

Khổng Tử là kẻ bất tín? Tệ hơn nữa là bội lời thề?

Lừa dối?

Ngụy biện?

Khổng Tử là một kẻ không đáng tin: “Nói một đằng làm một nẻo?”

## **7- Mặc Tử chê bai Khổng Tử**

Sách Mặc học cũng viết về hành động này của Khổng Tử với sự chê bai thậm tệ , so sánh với những gì ông làm khi ông được Lỗ Ai Công đón tiếp:

Mặc Tử, thiên 39 “Phi Nho hạ đệ tam thập cửu”<sup>27</sup>(tạm phiên dịch):

*“Khổng Tử bị khốn cùng ở biên giới hai nước Thái - Trần, sau 10 ngày chỉ ăn cháo rau không có gạo, Tử Lộ dâng cho ông thịt heo, Khổng Tử không hỏi thịt từ đâu mà có để ăn, Tử Lộ đổi áo lấy rượu, Khổng Tử cũng không hỏi ở đâu có rượu mà uống. Khi (Lỗ) Ai Công đón Khổng Tử thì chiếu trải không ngay ngắn ông không ngồi, thức ăn cắt không đúng khuôn phép thì không ăn. Tử Lộ đến hỏi: “Sao*

---

<sup>27</sup> Nguồn từ website: <http://ctext.org/mozi/anti-confucianism-ii> :

Phiên âm Hán Nôm: “*Khổng Mỗ cùng ư Thái Trần chi gian, lê canh bất tâm , thập nhật , Tử Lộ vi hưởng đồn , Khổng mỗ bất vấn nhục chi sở do lai nhi thực; hiệu nhân ý dĩ cô từu , Khổng mỗ bất vấn từu chi sở do lai nhi ẩm . Ai công nghêh Khổng Tử, tịch bất đoan phát toạ , cát bất chỉnh phát thực, Tử Lộ tiến, thỉnh viết: “hà kỳ dữ Trần - Thái phân dã ?” Khổng mỗ viết: “Lai! Ngô ngữ nhữ , nãg dữ nhữ vi cầu sinh , kim dữ nhữ vi cầu nghĩa.” Phù cơ ước tác bất từ vọng thủ , dĩ hoạt thân , doanh bảo tắc ngụy hành dĩ tự sức , ô tà trá ngữ thực đại ư thứ!” [i]*



*thầy lại làm ngược với những gì thầy đã làm ở (biên giới) nước Trần – Thái?”  
Không Tử trả lời: “Này, ta nói cho anh biết, trước đó làm thế vì phải sống, nay làm là vì nghĩa”. **Thật là nói càn thế nào cũng được, đúng là kẻ lật lọng, khi đầy đủ thì cứ thả cửa mà xuyên tạc, còn trò gian trá thấp hèn nào lớn bằng!”***

-----

Sau khi đọc qua nội dung của “Không Tử Thế Gia”, dưới ngòi bút của Tư Mã Thiên chúng ta thấy ông đã diễn tả cuộc sống của Không Tử một cách rất linh động. Không Tử có tài, đặc biệt là về giáo dục, ông đã có công đưa vị trí của sự giáo dục lên cao, khi làm quan cũng đã thành công. Trong nội dung; Tư Mã Thiên đã nêu ra những cách hành xử của Không Tử, nhưng không đưa ra những phán đoán. **Có lẽ** ông muốn để cho hậu thế xét đoán? Tuy nhiên có một điều là qua những diễn tả của ông, Không Tử có phải là một người có nhân cách đáng phục hay không? Chưa dám nói đến “bậc thánh” hay cao hơn nữa là “bậc chí thánh”.

Câu hỏi đặt ra là gần như có sự mâu thuẫn trong phần kết luận với câu nói của Thái Sử Công. Để trả lời cho câu hỏi này, người viết chỉ có thể **phỏng đoán** là Tư Mã Thiên muốn “qua mặt” Hán Vũ Đế, để lưu lại cho hậu thế biết Không Tử như thế nào! Hán Vũ Đế vì tình cảm riêng nên đã xử cung hình Tư Mã Thiên (trích trong “Lời giới thiệu” của sách Sử Ký của dịch giả Nhữ Thành):

*“Năm 99 trước Công Nguyên, Vũ Đế sai Lý Quảng Lợi cầm ba vạn quân đánh Hung Nô. Bảy giờ Lý Lăng, cháu của danh tướng Lý Quảng, cầm năm ngàn quân vào biên giới Hung Nô. Bị tám vạn quân Hung Nô bao vây. Lăng chỉ huy cuộc chiến đấu suốt mười ngày liền, giết hơn vạn quân địch. Nhưng cuối cùng vì cách xa biên giới, bị chặn mất đường về, quân sĩ chết hầu hết, mệt mỏi không còn sức chiến đấu, Lăng phải đầu hàng. Vũ Đế nổi giận muốn giết cả nhà Lăng, quần thần đều hùa theo ý nhà vua.”*

Tư Mã Thiên biện hộ cho Lý Lăng, “không ngờ Vũ Đế càng giận, cho ông có ý đề cao Lăng để chê Lý Quảng Lợi nhút nhát không lập nên công lao gì, mà Quảng Lợi lại là anh của Lý phu nhân rất được nhà vua yêu quý. Vũ Đế bèn sai bắt giam Tư Mã Thiên giao cho Đỗ Chu xét xử. .... cuối cùng bị khép vào tội “coi thường nhà vua”, và bị thiến ! Đã mấy lần uất ức quá, ông nghĩ đến việc tự vẫn. ...

*Cái án tượng nhục nhã, cô độc theo dõi ông cho đến khi chết. Mỗi khi nghĩ đến cái nhục bị hình phạt, mồ hôi vẫn cứ đầm lưng ướt áo! Nhưng ông không vì thế mà chán nản. Trái lại, ông càng tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống. Ông thấy rõ hình phạt đó là một thử thách đối với những “người trác việt phi thường”. Ông càng thấy cần phải viết “cho hả điều căm giận” . Và chính cái hình phạt nhục nhã ấy đã làm cho ông hiểu rõ cái mặt trái của xã hội phong kiến và đứng cảm đứng về phía nhân dân.”*

Thúc Tôn Thông đã lợi dụng “lẽ” của Nho học để đưa các Nho gia vào hệ thống cai trị. Đồng Trọng Thư đã dâng kiến nghị để Hán Vũ Đế nâng Nho học lên hàng “Quốc giáo”. Tư Mã Thiên là kẻ ngay thẳng đã trở thành nạn nhân của nền phong kiến với tư tưởng thống trị của Nho giáo. Vì thế người viết **phỏng đoán** là ông đã nêu lên vấn đề một cách ngấm ngầm, nâng Khổng Tử lên hàng “chí thánh” một cách “vu vơ” để chiều lòng và “qua mặt” Hán Vũ Đế, hầu mong những gì ông viết được được phổ biến cho hậu thế biết để tránh hay thay đổi.

(Còn tiếp)